

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v ly hôn giữa chị T và anh A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thi

2. Ông Huỳnh Kim Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Trà Hùng A, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh H đóng tại huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

(Chị T, anh A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: chị và anh Trà Hùng A cưới nhau vào năm 2014, do tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 06/01/2015 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình chồng hạnh phúc bình thường, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A thường hay đi chơi, không lo làm ăn, chị khuyên anh A nhiều lần nhưng không kết quả nên vợ chồng ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được, đến năm 2019 anh A bị Tòa án xét xử về tội tàng trữ trái

phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh H đóng tại huyện Thanh H, tỉnh Long An. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh A không còn tình cảm, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trà Anh K, sinh ngày 21/11/2014 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2020, bị đơn anh Trà Hùng A trình bày: anh và chị T tổ chức lễ cưới vào năm 2014, do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh không lo làm ăn và vi phạm pháp luật nên đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Hòa đóng tại huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Vợ chồng có 01 con chung tên Trà Anh K, sinh ngày 21/11/2014 hiện do chị T đang nuôi dưỡng; khi ly hôn anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh A không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung.

Anh Trà Hùng A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trà Hùng A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T và anh A.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trà Hùng A chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2015 tại UBND xã Long Hựu Đông, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh A là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo chị T và anh A trình bày là do trong quá trình chung sống anh A không chăm lo làm ăn, chị T khuyên anh A nhiều lần nhưng không kết quả dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh A đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn, anh A cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống và đồng ý ly hôn với chị T nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh A theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về nuôi con chung: chị T và anh A có 01 con chung tên Trà Anh K, sinh ngày 21/11/2014 đang ở với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân đến nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung đang có cuộc sống ổn định nên để chị T yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là phù hợp cần chấp nhận. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Anh Trà Hùng A không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu anh A có căn cứ chứng minh chị T hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[7]. Về tài sản chung chị T trình bày không có và anh A không yêu cầu giải quyết; nợ chung các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về việc ly hôn đối với anh Trà Hùng A.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Trà Hùng A.

Về nuôi con chung: chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trà Anh K, sinh ngày 21/11/2014, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền

ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008129 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, chị T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang